TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 341/2025/DS-PT
Ngày: 23/6/2025
V/v tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, chia tài sản chung trong hộ và đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Ông Nguyễn Chí Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:* Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2025/TLPT-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc *"Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, chia tài sản chung trong hộ và đòi lại tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 209/2024/DS - ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2025/QĐXXPT-DS ngày 06/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 360/2025/QĐPT-DS ngày 30/5/2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 282/TB-TA ngày 02/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, giữa các đương sự:

1. NgU1 đơn:

1.1. Ông Lê Hữu N, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Số 46, Điện Biên P, phường Mỹ P, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu Nghĩa:

1.1.1. Bà Lê Thị M, sinh năm 1957;

1.1.2. Anh Lê Anh T, sinh năm 1982;

1.1.3. Chị Lê Thị T2 T, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Số 46, Điện Biên P, phường Mỹ P, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, anh T và chị T: anh Trần Đình H, sinh năm 1989 theo văn bản ủy quyền ngày 17/5/2025.

Địa chỉ: số 200, đường Thiên Hộ Vương, phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Ấp Bình Mỹ A, xã Bình T, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị Đủ:

1.2.1. Ông Đặng Hữu N, sinh năm 1951;

1.2.2. Ông Đặng Đông N, sinh năm 1975;

1.2.3. Ông Đặng Hoàng P, sinh năm 1976;

1.2.4. Bà Đặng Thị Kim N, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Ấp Bình Mỹ A, xã Bình Thạnh, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1953;

2.2. Ông Nguyễn T2 H, sinh năm 1982;

2.3. Bà Lê Thị T2 H, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp 2, xã MH, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn Th: chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1994 theo văn bản ủy quyền ngày 11/12/2023.

Địa chỉ: Số 48, đường Trần Hưng Đạo, khóm 3, thị trấn Mỹ An, huyện

Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn T2: Luật sư Võ Thị Băng Giang – Văn phòng luật sư Băng Giang thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị R, sinh năm 1954;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị R: chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1994 theo văn bản ủy quyền ngày 11/12/2023.

Địa chỉ: Số 48, đường Trần Hưng Đạo, khóm 3, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị R: Luật sư Võ Thị Băng Giang – Văn phòng luật sư Băng Giang thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Bà Lê Thị Tố U, sinh năm 1974;

3.3. Bà Lê Thị Tố N, sinh năm 1978;

3.4. Bà Lê Thị T5 N, sinh năm 1982;

3.5. Anh Lê T2 T, sinh năm 1985;

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, Na, N và anh T là: chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1994 theo văn bản ủy quyền ngày 08/11/2024.

Địa chỉ: Số 48, đường Trần Hưng Đạo, khóm 3, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh.

Địa chỉ: Số 02, đường 30/4, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Những người kháng cáo

4.1. Bà Lê Thị M, sinh năm 1957 là ngU1 đơn;

4.2. Anh Lê Anh Tn, sinh năm 1982 là ngU1 đơn;

4.3. Chị Lê Thị T2 T, sinh năm 1989 là ngU1 đơn;

4.4. Ông Lê Văn T, sinh năm 1953 là bị đơn;

4.5. Ông Nguyễn T2 H, sinh năm 1982 là bị đơn;

4.6. Bà Lê Thị T2 H, sinh năm 1979 là bị đơn;

4.7 Bà Trần Thị R, sinh năm 1954 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

4.8. Bà Lê Thị Tố U, sinh năm 1974 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

4.9. Bà Lê Thị Tố N, sinh năm 1978 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

4.10. Bà Lê Thị T5 Na, sinh năm 1982 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ;

4.11. Anh Lê T2 T, sinh năm 1985 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Anh Đình H1, chị L, anh T2 H, luật sư Băng G, ông Đ có mặt tại phiên tòa; bà H có đơn xét xử vắng mặt; đại diện UNND huyện Cao Lãnh vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện của ông Lê Hữu Nghĩa và bà Lê Thị Đủ; trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Đình H1 đại diện người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu Nghĩa là bà Lê Thị M, anh Lê Anh T và chị Lê Thị T2 T1 trình bày:

Cha ông Lê Hữu Nghĩa là ông Lê Văn Vàng, mẹ ông Lê Hữu Nghĩa là bà Lê Thị Đừng. Cha, mẹ ông Nghĩa có tất cả 03 người con gồm: Lê Hữu Nghĩa; Lê Văn T2; Lê Thị Đủ ngoài ra không còn ai khác. Trong quá trình chung sống, cha mẹ ông Nghĩa tạo lập được diện tích đất 13.855m^2 gồm:

- Diện tích đất 1.650m^2 (đất Thổ), thửa 785.

- Diện tích đất 2.655m^2 (đất LNK), thửa 1028.

- Diện tích 2.550m^2 (đất LNK), thửa 1195.

- Diện tích 7.000m^2 (đất Lúa), thửa 741.

Tất cả các diện tích đất nêu trên cùng tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Cha ông Nghĩa là ông Lê Văn Vàng, chết năm 1954 nên phần diện tích đất 13.855m^2 do mẹ ông Nghĩa là bà Lê Thị Đừng tiếp tục quản lý sử dụng.

Ngày 18/02/1994, mẹ ông Nghĩa được Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 13.855m^2 gồm các thửa 785, thửa 1028, thửa 1195, thửa 741.

Ngày 20/10/1994, mẹ ông Nghĩa lập tờ di chúc với nội dung chia cho 02 người con trai là Lê Hữu Nghĩa và Lê Văn T2 mỗi người diện tích đất 6.875m^2 trong tổng diện tích đất 13.855m^2.

Mẹ ông Nghĩa chết năm 2001, thì ông Lê Văn T2 là người trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất 13.855m^2.

Khoảng tháng 06/2004, ông Lê Văn T2 đã tự ý đi kê khai toàn bộ diện tích đất 13.855m^2 là di sản thừa kế của mẹ ông Nghĩa để lại và được Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn T2 ngày 26/7/2004. Việc ông T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nghĩa không biết.

Khoảng năm 2007, 2008 Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh đã thu hồi diện tích đất 300m^2 thuộc một phần thửa 785, diện tích đất 2.655m^2 thuộc toàn bộ thửa 1028 và diện tích đất 2.550m^2 thuộc toàn bộ thửa 1195 của mẹ ông Nghĩa để xây dựng Cụm Công Nghiệp Mỹ Hiệp và Khu tái định cư Mỹ Hiệp,

Như vậy diện tích đất còn lại của mẹ ông Nghĩa gồm: Diện tích đất 1.350m^2 thuộc thửa 785 và diện tích đất 7.000m^2 thuộc thửa 741.

Hiện tại ông T2 Đ quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất 7.000m^2, thửa 741 và khoảng 1.050m^2 trong tổng diện tích 1.350m^2 thửa 785 và chị Lê Thị T2 H, anh Nguyễn T2 H1 là con gái, con rể ông T2 Đ sử dụng diện tích đất khoảng 300m^2 (chiều Nng 20m x chiều dài 15m), trong tổng diện tích 1.350m^2 thuộc thửa 785.

Theo đơn khởi kiện, ông Nghĩa và bà Đủ yêu cầu như sau:

1. Ông Nghĩa và bà Đủ yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 1.350m^2 thuộc thửa 785 tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp làm 03 phần bằng nhau, yêu cầu được nhận 450m^2.

2. Ông Nghĩa và bà Đủ yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 7.000m^2 thuộc thửa 741 tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp làm 03 phần bằng nhau, yêu cầu được nhận 2.333m^2.

3. Ông Nghĩa và bà Đủ yêu cầu anh Nguyễn T2 H1, chị Lê Thị T2 H trả lại phần đất khoảng 300m^2 (chiều Nng 20m dài 15m) thuộc một phần thửa 785 tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và

yêu cầu anh H1, chị H pH1 tháo dỡ di dời toàn bộ tài sản vật kiến T1 ra khỏi phần đất tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Đủ có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và có văn bản từ chối nhận di sản của bà Lê Thị Đừng.

Bà Lê Thị Đủ chết vào ngày 16/02/2024, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị Đủ gồm ông Đặng Hữu Nghiệp, Đặng Đông Nghi, Đặng Hoàng Phúc, Đặng Thị Kim Ngân không có văn bản yêu cầu gì trong vụ án.

Ông Nghĩa chết vào ngày 31/10/2022, nay những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nghĩa là bà M, anh T và chị T1 tiếp tục giữ yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật tại các thửa 785 (bản đồ lưới là thửa 220) và thửa 741 (bản đồ lưới tọa độ là thửa 09) và thửa 239.

- Do bà Đủ rút yêu cầu khởi kiện, từ chối nhận di sản thừa kế của cụ Đừng nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nghĩa yêu cầu được nhận ½ diện tích đất theo đo đạc thực tế tại thửa 785 và thửa 741 cho bà M, anh T và chị T1 cụ thể như sau:

- Thửa 785 đối chiếu qua bản đồ lưới tọa độ là thửa 220, tờ bản đồ số 11 có diện tích đo đạc thực tế là 719m^2, bà M, anh T và chị T1 yêu cầu được nhận ½ diện tích trên là 359,5m^2. Tuy nhiên, theo đo đạc thực tế thì phần diện tích nhà của ông T2 chiếm hơn phân nữa thửa đất, nên bà M, anh T và chị T1 yêu cầu được nhận thừa kế phần diện tích đất từ các mốc M12, M13 kéo qua tới mí nhà ông T2 là yêu cầu nhận đất, phần còn lại yêu cầu được nhận giá trị theo giá chứng thư thẩm định giá do bà M cung cấp sao cho đủ diện tích là 359,5m^2.

- Yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 785 và thửa 741, cùng tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Lê Văn T2.

- Ngoài ra, hiện nay do thửa đất bãi bồi thửa 239 (có nhà của anh H1 và chị H) có nguồn gốc từ thửa 785 nên bà M, anh T và chị T1 yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối thửa đất 239, vị trí yêu cầu được nhận có vị trí đất từ M1, M9 kéo qua nhà của chị H sao cho đủ diện tích được nhận (327m^2/2). Bà M, anh T và chị T1 không yêu cầu ông H1, bà H pH1 tháo dỡ, di dời toàn bộ các tài sản, vật kiến T1 ra khỏi phần đất tranh chấp.

- Về giá đất tại thửa 220 (785) và thửa 239 bà M cung cấp giá đất theo giá thị trường cho Tòa án, theo chứng thư thẩm định giá.

- Về giá đất tại thửa 741 và giá cây trồng trên thửa 741 sẽ yêu cầu Tòa án tiến hành thành lập Hội đồng định giá.

- Trường hợp Tòa án chia đất cho bà M, anh T và chị T1 có cây trồng của bị đơn thì bà M, anh T và chị T1 yêu cầu di dời cây trồng trên đất, không đồng ý trả giá trị cây trồng.

- Đối với yêu cầu của ông T2 yêu cầu trả tiền bồi thường về cây trồng và tiền đất tổng cộng 235.216.892 đồng thì bà M, anh T và chị T1 không đồng ý đối với yêu cầu này.

- Tại phiên tòa, anh H1 đại diện cho bà M, anh T và chị T1 thống nhất xác định phần diện tích đất 2.000m^2 có vị trí nằm phía sau thửa đất 741 (thửa 09), do trước đây ông T2 đã mua lại phần đất này nên không yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất trên, xác định diện tích đất 2.000m^2 là của ông T2.

2. Bị đơn ông Lê Văn T2 do chị Nguyễn Thị Thùy Linh đại diện trình bày:

Ông T2 thống nhất cha, mẹ ông có tất cả 03 người con gồm: Lê Hữu Nghĩa; Lê Văn T2; Lê Thị Đủ ngoài ra không còn ai khác như ông Nghĩa trình bày.

Ông T2 xác định nguồn gốc đất là của địa chủ, ông là người trực tiếp canh tác để nuôi gia đình. Đối với yêu cầu của ông Lê Hữu Nghĩa xin chia thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật tại các thửa 785 và thửa 741 thì ông T2 không đồng ý vì ông T2 đã được đứng tên quyền sử dụng đất đúng theo quy định pháp luật và do trước đây khi cụ Đừng còn sống đã chia đất cho ông Nghĩa rồi. Đồng thời, việc cấp quyền sử dụng đất tại các thửa 785, 1208, 1195, 741 là cấp cho hộ của bà Lê Thị Đừng vào năm 1994 là tài sản của hộ, nên việc ông Nghĩa tiếp tục yêu cầu chia thừa kế là đã vượt so với phần của ông Nghĩa đã nhận trước đây khi đất trúng quy hoạch.

Trong quá trình sử dụng đất thì tại thửa 741 ông Nghĩa có bán một phần đất là 2.500m^2 cho người khác, sau đó ông T2 đã chuộc lại nên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 741 là 7.000m^2 thì có 2.500m^2 là của ông T2 chuộc lại nên phần đất 2.500m^2 là đất của ông T2.

Ông T2 không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ngU1 đơn, vì đất này mẹ ông T2 là bà Lê Thị Đừng cho ông T2 từ khi mẹ ông T2 còn sống. Gia đình ông T2 ở chung nhà với mẹ, chăm sóc nuôi dưỡng mẹ khi già yếu cho đến khi mẹ ông T2 qua đời, gia đình ông T2 lo tang lễ và xây mồ mã đàng hoàng và hiện nay Đ thờ cúng ông bà cha mẹ.

- Nay ông T2 có đơn phản tố yêu cầu như sau:

-Thửa 1208 diện tích 3.010m^2 đất của ông T2 khi trúng quy hoạch hơn tiền đất của ông Nghĩa thửa 1195, diện tích 2.616m^2 trúng quy hoạch là 28.252.000 đồng, ông Nghĩa lấy luôn không trả lại cho ông T2.

- Tiền đặt cọc nền nhà là 30.000.000 đồng (Khi thửa 785 loại đất T trúng quy hoạch một phần diện tích 946,1m^2 là số tiền 60.000.000 đồng, còn lại diện tích 403,9m^2. Thời điểm nhà nước thu hồi một phần diện tích thửa 785 thì ông T2 được nhà nước cấp cho 01 nền tái định cư và được mua thêm 01 nền nhà giá 108.000.000 đồng/nền, chỉ trả trước 30.000.000 đồng, số tiền còn lại trả sau, nhưng ông T2 để cho ông Nghĩa mua nền nhà và ông Nghĩa nói với ông T2 là cho ông Nghĩa mượn 30.000.000 đồng trả trước cho nhà nước, ông Nghĩa sẽ trả lại cho ông T2 sau, nhưng đến nay ông Nghĩa đã nhận nền nhà nhưng chưa trả lại cho ông T2 số tiền 30.000.000 đồng.

Thửa 1195 (thửa cũ) diện tích 2550m^2 lúc mẹ cho ông Nghĩa thì đất còn trồng lát, ông Nghĩa không sử dụng cho ông T2 thuê, ông T2 cải tạo đất thành đất vườn. Khi đất trúng quy hoạch, nhà nước bồi thường là diện tích 2.616m^2. Đáng lý ra ông Nghĩa chỉ lấy tiền bồi thường đất, còn cây trồng và vật dụng có trên đất là của ông T2 được bồi thường là 79.312.000 đồng (Căn cứ theo Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư do nhà nước thu hồi đất), ông Nghĩa cũng lấy luôn không giao lại cho ông T2. Như vậy ông Lê Hữu Nghĩa còn thiếu ông T2 tổng cộng số tiền 137.564.000 đồng (28.252.000 đồng + 30.000.000 đồng + 79.312.000 đồng). Do đó, ông T2 yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nghĩa pH1 trả cho hộ ông T2 gồm ông Lê Văn T2, bà Trần Thị R, Lê Thị Tố U1, Lê Thị Tố N, Lê Thị T5 N1 và Lê T2 T4 số tiền 137.564.000 đồng.

Đến ngày 20/10/2023, ông T2 tiếp tục nộp đơn phản tố có nội dung như sau:

Tại thời điểm được cấp đất thì trong hộ cụ Đừng có tất cả là 08 người gồm cụ Đừng, ông T2, vợ ông T2 là bà R và 05 người con của ông T2, do đó các thửa đất trên là tài sản chung của hộ chứ không pH1 của cá nhân cụ Đừng tạo lập, vì vậy pH1 chia đều diện tích đất cho các thành viên trong hộ gia đình. Tổng cộng diện tích của 4 thửa khi chưa bị Nhà nước thu hồi và trừ phần diện tích ông T2 mua lại 2.000m^2 thì diện tích còn lại là 11.855m^2: 8 người = 1.481.8m^2/người. Như vậy, phần tài sản của cụ Đừng chung với hộ gia đình sẽ là diện tích 1.481,8m^2, sau khi cụ Đừng chết ngày 28/01/2001 thì phần diện tích này sẽ trở thành di sản chia thừa kế theo quy định pháp luật (cụ thể diện tích 1.481.8m^2 sẽ chia đều cho ông T2 và ông Nghĩa thì mỗi người sẽ được nhận diện tích là 740,9m^2). Tuy nhiên vào năm 2008, ông Nghĩa đã nhận số tiền bồi thường diện

tích 2.550m² thuộc thửa 1195 đất vườn với số tiền là 249.453.000 đồng (đã bao gồm tiền cây trồng trên đất là 79.312.000đồng), do đó phần ông Nghĩa đã nhận có diện tích nhiều hơn so với phần di sản thừa kế của cụ Đừng để lại (2.550m² - 740,9m² = 1.809,1m² tương đương với số tiền bồi thường đã nhận là 176.964.892 đồng). Như vậy, phần diện tích ông Nghĩa đã nhận dư là 1.809,1m² nhưng phần đất này hiện nay đã được Nhà nước thu hồi và bồi thường bằng tiền, ông Nghĩa đã nhận xong nên ông T2 yêu cầu hàng kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nghĩa có trách nhiệm trả lại số tiền là 176.964.892đồng (trong đó có số tiền mà ông Nghĩa nhận luôn tiền bồi thường về cây trồng là 79.312.000 đồng), tuy nhiên đối với số tiền cây trồng thì trước ông T2 đã có yêu cầu phản tố nên nay ông T2 yêu cầu bà M, anh T, chị T1 pH1 có trách nhiệm trả lại số tiền bồi thường về đất đã nhận là 97.652.892 đồng (176.964.892 đồng - 79.312.000 đồng = 97.652.892 đồng).

Nay ông T2 yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu Nghĩa là bà Lê Thị M, anh Lê Anh T và chị Lê Thị T2 T1 pH1 trả cho ông Lê Văn T2, số tiền là 97.652.892 đồng (Chín mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn tám trăm chín mươi hai đồng)

- Trường hợp Tòa án có chia thừa kế cho bà M, anh T và chị T1 thì ông T2 yêu cầu Tòa án xem xét trừ lại 2.000m^2 đất thuộc thửa 741 mà ông T2 đã mua lại.

- Đối với cây trồng có trên đất nếu ngU1 đơn được nhận đất có cây trồng của con ông T2 trồng thì yêu cầu trả lại giá trị cây trồng cho con ông T2 theo giá Tòa án thành lập Hội đồng định giá.

Ông T2 không thống nhất giá đất do ngU1 đơn đưa ra, yêu cầu Tòa án tiến hành định giá.

- Tại phiên tòa, ông T2 xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với các số tiền là 30.000.000 đồng và là 28.252.000 đồng.

- Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Văn T2 tại các thửa đất tranh chấp thì ông T2 Đ giữ bản chính, không cầm cố thế chấp cho ai.

3. Bị đơn anh Nguyễn T2 H1 và chị Lê Thị T2 H trình bày:

Việc ông Nghĩa khởi kiện cha anh H1, chị H là ông Lê Văn T2, sinh năm 1953, để chia thừa kế quyền sử dụng đất mà kiện luôn anh H1, chị H, buộc anh H1,

chị H pH1 di dời nhà và tài sản có trên đất để trả cho ông Nghĩa, diện tích 300m^2 đất nền nhà của anh H1, chị H là không có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ngU1 đơn không yêu cầu anh H1, chị H di dời nhà trả đất mà yêu cầu chia đất tại thửa 239 có vị trí từ mốc M1, M9 qua vị trí nhà anh H1, chị H không đồng ý vì:

Bởi vì anh H1, chị H xây dựng nhà cấp 4 kiên cố năm 2014, đất nền nhà nằm dưới mé sông là đất bồi đắp nên anh H1, chị H bơm cát thêm để làm nền xây dựng nhà. Nhà của anh H1, chị H cách đất của ông T2 là con đường đá công cộng. Đất nền nhà của anh H1, chị H không nằm trong thửa 785, cũng như không nằm trong thửa đất nào của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T2 đứng tên nên không có căn cứ chia thừa kế theo yêu cầu của ngU1 đơn.

Anh H1 và chị H, không thống nhất giá đất do ngU1 đơn đưa ra, nhưng không yêu cầu Tòa án tiến hành định giá hay đưa ra giá đất.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị R, bà Lê Thị Tố U1, bà Lê Thị Tố N, bà Lê Thị T5 N1, anh Lê T2 T4 anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Bà Trần Thị R, bà Lê Thị Tố U1, bà Lê Thị Tố N, bà Lê Thị T5 N1, anh Lê T2 T4 và ông Nguyễn Văn Đ thống nhất lời trình bày của ông Lê Văn T2.

Tại quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 209/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh đã xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đủ.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Lê Văn T2 về việc đòi lại số tiền mua nền nhà là 30.000.000 đồng và tiền bồi thường chênh lệch giá đất là 28.252.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn T2 về việc đòi tiền bồi thường đất và đòi lại tiền bồi thường cây trồng vật dụng có trên đất tổng cộng là 176.964.892 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ngU1 đơn ông Lê Hữu Nghĩa về việc chia thừa kế tại thửa 239, tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ngU1 đơn ông Lê Hữu Nghĩa đối với di sản là diện tích đất theo đo đạc thực tế thửa 220 diện tích là 719m^2 (loại đất ở nông thôn) tờ bản đồ số 11

và thửa 09 diện tích là 5.367m^2 (loại đất CLN) tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5.1 Buộc ông Lê Văn T2, bà Trần Thị R, chị Lê Thị Tố U1, chị Lê Thị T2 H, chị Lê Thị Tố N, chị Lê Thị T5 N1 và anh Lê T2 T4 giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Hữu Nghĩa gồm bà Lê Thị M, anh Lê Anh T và chị Lê Thị T2 T1 phần diện tích đất là 2.146,8m^2 cùng toàn bộ cây trồng và vật kiến T1 trên đất trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4-M9-M1 thuộc thửa 741 (loại đất CLN), tờ bản đồ số 2 đối chiếu sang bản đồ lưới tọa độ là thửa 09 tờ bản đồ số 12 đất tọa lạc tại ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5.2 Bà Lê Thị M, anh Lê Anh T và chị Lê Thị T2 T1 pH1 trả lại giá trị cây trồng và nhà trên đất cho chị Lê Thị T2 H và anh Lê T2 H1 với số tiền là 594.961.000 đồng (Năm trăm chín mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

5.3 Buộc ông Lê Văn T2 pH1 chia giá trị đất tại thửa 785 (loại đất ONT), tờ bản đồ số 2 đối chiếu sang bản đồ lưới tọa độ là thửa 220 tờ bản đồ số 11 đất tọa lạc tại ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cho bà Lê Thị M, anh Lê Anh T và chị Lê Thị T2 T1 là 215.700.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu bảy trăm nghìn đồng).

6. Ông Lê Văn T2 được chia thừa kế diện tích đất 719m^2 tại thửa 785 (loại đất ONT) tờ bản đồ số 2 đối chiếu sang bản đồ lưới tọa độ là thửa 220 tờ bản đồ số 11 trong phạm vi các mốc M10-M11-M12-M13 đất tọa lạc tại ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

7. Ông Lê Văn T2 được chia thừa kế diện tích đất 3.220,2m^2 và phần diện tích đất 2.000m^2 của ông Lê Văn T2 thuộc thửa 741 (loại đất CLN), tờ bản đồ số 2 đối chiếu sang bản đồ lưới tọa độ là thửa 09 tờ bản đồ số 12 trong phạm vi các mốc M9-M4-M5-M6-M7-M8-M9 đất tọa lạc tại ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên pH1 thi hành án còn pH1 chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH1 thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Bà Lê Thị M, Lê Anh T, Lê Thị T2 T1, hộ ông Lê Văn T2 gồm ông Lê Văn T2, bà Trần Thị R, chị Lê Thị Tố U1, chị Lê Thị T2 H, chị Lê Thị Tố N, chị Lê Thị T5 N1, anh Lê T2 T4 có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm

quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục kê khai, đăng ký, tách, chuyển, điều chỉnh đối với diện tích đất đã được Tòa án công nhận quyền sử dụng theo bản án đã tU1.

Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 825945, vào sổ cấp 002745/QSDĐ/HCL do Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh cấp ngày 26/7/2004 cho hộ ông Lê Văn T2 diện tích 13.855m^2 đất tọa lạc tại xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh để cấp lại theo bản án đã tU1.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/5/2022 và 07/3/2023; ngày 13/9/2018 và 20/8/2024 và sơ đồ đo đạc khu đất tranh chấp cùng ngày của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh).

8.Về án phí:

- Bà Lê Thị M, ông Nguyễn Văn T2 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

- Anh Lê Anh T và chị Lê Thị T2 T1 pH1 liên đới chịu án phí đối với giá trị tài sản được chia thừa kế là: 23.576.000 đồng và chịu án phí đối với số tiền pH1 trả giá trị cây trồng và công trình trên đất là: 27.798.000 đồng. Tổng cộng là 51.374.000 đồng (Năm mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

9. Về chi phí tố tụng.

- Chi phí xem xét thẩm và định giá là 16.171.000 đồng, do bà M, anh T và chị T1 đã nộp tạm ứng, đã thu và chi xong nên ông T2 có nghĩa vụ hoàn lại cho bà M, anh T, chị T1 số tiền ½ số tiền xem xét thẩm định, định giá là 8.085.000 đồng (Tám triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tU1 về thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 24/9/2024 bà Lê Thị M, Lê Anh T, Lê Thị T2 T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 209/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngU1 đơn. Bà Lê Thị M, anh Lê Anh T, chị Lê Thị T2 T1 không đồng ý nhận giá trị đất, trả giá trị cây trồng và không đồng ý chia cho ông T2 2/3 kỷ phần.

Ngày 30/9/2024 chị Lê Thị T2 H, anh Nguyễn T2 H1, ông Lê Văn T2, bà Trần Thị R, chị Lê Thị Tố U1, chị Lê Thị Tố N, chị Lê Thị T5 N1, anh Lê T2 T4 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 209/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ

thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngU1 đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T2.

- Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị M, anh Lê Anh T, chị Lê Thị T2 T1 là anh Trần Đình H1 giữ ngU1 yêu cầu kháng cáo;

Bà Lê Thị T2 H, ông Nguyễn T2 H1 giữ ngU1 yêu cầu kháng cáo; người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn T2, bà Trần Thị R, chị Lê Thị Tố U1, chị Lê Thị Tố N, chị Lê Thị T5 N1, anh Lê T2 T4 là chị Nguyễn Thị Thùy Linh giữ ngU1 yêu cầu kháng cáo;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn T2 và bà Trần Thị R là luật sư Võ Thị Băng Giang phát biểu: Tại công văn số 31 của Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh và công văn số 14 của Phòng Tài ngU1 và môi trường huyện Cao Lãnh đều trả lời việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị Đừng nên chia cho các thành viên trong hộ mới đúng; ông T2 nhận chuyển nhượng từ bà Bé hai công tầm cắt tương đương 2.500m^2 nhưng Tòa án sơ thẩm chỉ xác định 2.000m^2 là không phù hợp; Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét số tiền 79.000.000 đồng mà ông T2 có yêu cầu; Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế theo pháp luật là phù hợp nhưng xác định di sản không đúng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông T2. Tòa án cấp sơ thẩm chia giá trị đất tại thửa 220 là phù hợp vì trên đất có phần mộ của bà Đừng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T2 bà R; sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T2 H1 yêu cầu trả giá trị óng nước trên phần đất chia cho ông Nghĩa cũng như công chăm sóc cây trồng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo; sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Chị H là vợ của anh T2 H1 có kháng cáo nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt chị cũng giữ ngU1 yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Trần Đình H1 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M, anh T, chị T1; sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị Thùy Linh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T2, bà R, bà Tố U1, bà Tố N, bà T5 N1, anh T4; sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ án để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa

Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

- Đối với đương sự: đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về việc giải quyết vụ án dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M, anh T, chị T1, bà Lê Thị T2 H, ông Nguyễn T2 H1, ông T2, bà R, bà Tố U1, bà Tố N, bà T5 N1, anh T4; giữ ngU1 bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Lê Thị M, Lê Anh T, Lê Thị T2 T1; Chị Lê Thị T2 H, anh Nguyễn T2 H1, ông Lê Văn T2, bà Trần Thị R, chị Lê Thị Tố U1, chị Lê Thị Tố N, chị Lê Thị T5 N1, anh Lê T2 T4 kháng cáo trong hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật tố dân sự năm 2015.

[2]. Xét bà Lê Thị M, Lê Anh T, Lê Thị T2 T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 209/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngU1 đơn. Bà Lê Thị M, anh Lê Anh T, chị Lê Thị T2 T1 không đồng ý nhận giá trị đất, trả giá trị cây trồng và không đồng ý chia cho ông T2 2/3 kỷ phần.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ công văn số 31/UBND-TNMT ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh xác định thửa đất 785 là của cụ Đừng, các thửa 1028, 1195, và thửa 741 là của địa chủ được cấp quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ bà Lê Thị Đừng vào năm 1994. Trong quá trình sử dụng

đất, nhà nước đã thu hồi các thửa 1028, 1195 và một phần thửa 785. Bà M, anh T, chị T1 yêu cầu chia di sản của cụ Đừng để lại như sau:

- Diện tích 1.650m^2 loại đất ONT của thửa 785, tờ bản đồ số 2 theo bản đồ 299 đối chiếu sang bản đồ lưới tọa độ là thửa 220, tờ bản đồ số 11 theo đo đạc thực tế là 719m^2. Diện tích 7.000m^2 (loại đất cây lâu năm) thửa 741, tờ bản đồ số 2 đối chiếu theo hệ thống bản đồ lưới tọa độ là thửa 09, tờ bản đồ số 12, diện tích theo đo đạc thực tế là 7.367m^2 và một phần thửa 239 theo đo đạc thực tế 327,2m^2. Bà Lê Thị M, anh Lê Anh T, chị Lê Thị T2 T1 yêu cầu được chia ½ di sản của cụ Đừng.

Công văn số 818/UBND-HC ngày 23/4/2024, xác định nguồn gốc thửa 239 là đất bãi bồi, do Nhà nước quản lý, không thuộc thửa 785, tờ bản đồ số 2 nên không có căn cứ xác định một phần thửa 239 theo đo đạc thực tế 327,2m^2 là di sản của cụ Đừng. Do đó, yêu cầu này của bà M, anh T và chị T1 là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Đối với diện tích 7.000m^2 (loại đất cây lâu năm) thửa 741, tờ bản đồ số 2 đối chiếu theo hệ thống bản đồ lưới tọa độ là thửa 09, tờ bản đồ số 12, diện tích theo đo đạc thực tế là 7.367m^2. NgU1 đơn, bị đơn đều thừa nhận có việc ông T2 chuộc đất và đồng ý trả lại cho ông T2 diện tích chỉ 2.000m^2. Nên phần diện tích còn lại thửa 09 là 5.367m^2 là phần di sản của cụ Đừng.

Vậy di sản của cụ Đừng còn lại theo đo đạc thực tế là 6.086m^2.

Đối với diện tích đất 5.367m^2 ông T2 là người sử dụng đất, từ lúc cụ Đừng còn sống cho đến nay, ông T2 giữ gìn, tôn tạo đất ruộng đến đất vườn nên Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông T2 được nhận thêm ½ kỷ phần tại thửa đất 09 là 1,5 kỷ phần tương đương với diện tích đất được nhận là 3.220,2m^2 là có căn cứ phù hợp với quy định.

Đối với thửa 785, tờ bản đồ số 2 theo bản đồ 299 đối chiếu sang bản đồ lưới tọa độ là thửa 220, tờ bản đồ số 11 theo đo đạc thực tế là 719m^2 được chia cho ông Nghĩa và ông T2 mỗi người ½ diện tích. Trên phần đất này bà M, anh T và chị T1 yêu cầu được nhận đất có phần mộ của cụ Đừng nằm gần giữa phần diện tích còn lại, Tuy nhiên từ trước đến nay ông T2 là người thờ cúng cụ Đừng. Ông T2 có nguyện vọng được giữ lại phần đất này để tiện việc thờ cúng, chăm sóc mồ mã nên xét thấy cần giao phần diện tích đất trên cho ông T2 tiếp tục quản lý sử dụng và ông T2 có nghĩa vụ trả giá trị cho M, T và T1 là phù hợp với thực tế sử dụng. Từ những nhận định trên xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà M, T và T1 là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3]. Xét chị Lê Thị T2 H, anh Nguyễn T2 H1, ông Lê Văn T2, bà Trần Thị R, chị Lê Thị Tố U1, chị Lê Thị Tố N, chị Lê Thị T5 N1, anh Lê T2 T4 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 209/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngU1 đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T2.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T2 cho rằng các thửa đất mà ông Nghĩa trình bày thì thời điểm cấp đất cho hộ bà Lê Thị Đừng có ông T2, vợ và các con ông T2 là thành viên của hộ nên ông T2 xác định đây là tài sản chung của hộ. Sau khi chia tài sản chung của hộ, phần của bà Đừng mới là di sản thì ông T2 mới đồng ý chia thừa kế. Căn cứ vào công văn số 31/UBND-TNMT ngày 11/01/2022 của Ủy ban huyện Cao Lãnh xác định thửa đất 785 là của cụ Đừng, các thửa 1028, 1195, và thửa 741 là của địa chủ được cấp quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ bà Lê Thị Đừng, ông T2 là người trực tiếp sử dụng đất. Trong quá trình sử dụng đất, nhà nước đã thu hồi các thửa 1028, 1195 và một phần thửa 785. Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 26/3/2021, ông T2 xác định các thửa đất 1028, 1195 là đất của cụ Đừng, được cụ Đừng khi còn sống cho ông Nghĩa thửa 1195, cho ông T2 thửa 1028. Khi hai thửa đất 1195 và 1028 trúng quy hoạch, ông T2 là người nhận tiền bồi thường và đã giao lại cho ông Nghĩa tiền bồi thường của thửa 1195. Tại thời điểm cụ Đừng cho đất cho ông Nghĩa nhưng vợ con ông T2 không có tranh chấp cũng không có ý kiến là đồng nghĩa việc vợ con ông T2 cũng mặt nhận những thửa đất nêu trên là đất của cụ Đừng. Mặc khác, ông T2 trình bày trong quá trình sử dụng đất ông Nghĩa có bán một phần đất diện tích 2.500m^2 tại thửa 741 chứng tỏ ông Nghĩa có sử dụng phần đất này. Do đó, không đủ cơ sở xác định các đất số 785, 1028, 1195 và thửa 741 là tài sản chung của hộ bà Đừng mà các thửa đất trên là của Đừng nên việc ông T2 yêu cầu xác định các thửa đất cấp cho bà Đừng là tài sản chung của hộ, yêu cầu vợ và các con của ông Nghĩa pH1 trả lại số tiền đã nhận dư là 97.652.892 đồng là chưa có căn cứ để chấp nhận. Đồng thời tại giai đoạn phúc thẩm chị Lê Thị T2 H, anh Nguyễn T2 H1, ông Lê Văn T2, bà Trần Thị R, chị Lê Thị Tố U1, chị Lê Thị Tố N, chị Lê Thị T5 N1, anh Lê T2 T4 cũng không cung cấp chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị T2 H, anh Nguyễn T2 H1, ông Lê Văn T2, bà Trần Thị R, chị Lê Thị Tố U1, chị Lê Thị Tố N, chị Lê Thị T5 N1, anh Lê T2 T4.

[4]. Đối với yêu cầu của ông T2 H1 tại phiên tòa phúc thẩm là vượt quá phạm vi yêu cầu kháng cáo ban đầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án dân sự sơ thẩm số 209/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên giữ ngU1.

[6]. Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T2, bà R là luật sư Võ Thị Băng Giang không phù hợp nên không chấp nhận như nhận định nêu trên.

[7]. Xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận như nhận định nêu trên.

[8]. Do yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị M, Lê Anh T, Lê Thị T2 T1, chị Lê Thị T2 H, anh Nguyễn T2 H1, ông Lê Văn T2, bà Trần Thị R, chị Lê Thị Tố U1, chị Lê Thị Tố N, chị Lê Thị T5 N1, anh Lê T2 T4 không được chấp nhận nên bà Lê Thị M, Lê Anh T, Lê Thị T2 T1, chị Lê Thị T2 H, anh Nguyễn T2 H1, ông Lê Văn T2, bà Trần Thị R, chị Lê Thị Tố U1, chị Lê Thị Tố N, chị Lê Thị T5 N1, anh Lê T2 T4 pH1 chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà M, ông T2, bà R là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

[9]. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

TU1 Xử:

1- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị M, anh Lê Anh T, chị Lê Thị T2 T1, bà Lê Thị T2 H, ông Nguyễn T2 H1, ông Lê Văn T2, bà Trần Thị R, bà Lê Thị Tố U1, bà Lê Thị Tố N, bà Lê Thị T5 N1, anh Lê T2 T4.

2- Giữ ngU1 bản án dân sự sơ thẩm số 209/2024/DS - ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đủ.

2.2. Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Lê Văn T2 về việc đòi lại số tiền mua nền nhà là 30.000.000 đồng và tiền bồi thường chênh lệch giá đất là 28.252.000 đồng.

2.3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn T2 về việc đòi tiền bồi thường đất và đòi lại tiền bồi thường cây trồng vật dụng có trên đất tổng cộng là 176.964.892 đồng.

2.4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ngU1 đơn ông Lê Hữu Nghĩa về việc chia thừa kế tại thửa 239, tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2.5. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ngU1 đơn ông Lê Hữu Nghĩa đối với di sản là diện tích đất theo đo đạc thực tế thửa 220 diện tích là 719m^2 (loại đất ở nông thôn) tờ bản đồ số 11 và thửa 09 diện tích là 5.367m^2 (loại đất CLN) tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc ông Lê Văn T2, bà Trần Thị R, chị Lê Thị Tố U1, chị Lê Thị T2 H, chị Lê Thị Tố N, chị Lê Thị T5 N1 và anh Lê T2 T4 giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Hữu Nghĩa gồm bà Lê Thị M, anh Lê Anh T và chị Lê Thị T2 T1 phần diện tích đất là 2.146,8m^2 cùng toàn bộ cây trồng và vật kiến T1 trên đất trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4-M9-M1 thuộc thửa 741 (loại đất CLN), tờ bản đồ số 2 đối chiếu sang bản đồ lưới tọa độ là thửa 09 tờ bản đồ số 12 đất tọa lạc tại ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Lê Thị M, anh Lê Anh T và chị Lê Thị T2 T1 pH1 trả lại giá trị cây trồng và nhà trên đất cho chị Lê Thị T2 H và anh Lê T2 H1 với số tiền là 594.961.000 đồng (Năm trăm chín mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

Buộc ông Lê Văn T2 pH1 chia giá trị đất tại thửa 785 (loại đất ONT), tờ bản đồ số 2 đối chiếu sang bản đồ lưới tọa độ là thửa 220 tờ bản đồ số 11 đất tọa lạc tại ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cho bà Lê Thị M, anh Lê Anh T và chị Lê Thị T2 T1 là 215.700.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu bảy trăm nghìn đồng).

3. Ông Lê Văn T2 được chia thừa kế diện tích đất 719m^2 tại thửa 785 (loại đất ONT) tờ bản đồ số 2 đối chiếu sang bản đồ lưới tọa độ là thửa 220 tờ bản đồ số 11 trong phạm vi các mốc M10-M11-M12-M13 đất tọa lạc tại ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ông Lê Văn T2 được chia thừa kế diện tích đất 3.220,2m^2 và phần diện tích đất 2.000m^2 của ông Lê Văn T2 thuộc thửa 741 (loại đất CLN), tờ bản đồ số 2 đối chiếu sang bản đồ lưới tọa độ là thửa 09 tờ bản đồ số 12 trong phạm vi các

mốc M9-M4-M5-M6-M7-M8-M9 đất tọa lạc tại ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên pH1 thi hành án còn pH1 chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH1 thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Bà Lê Thị M, Lê Anh T, Lê Thị T2 T1, hộ ông Lê Văn T2 gồm ông Lê Văn T2, bà Trần Thị R, chị Lê Thị Tố U1, chị Lê Thị T2 H, chị Lê Thị Tố N, chị Lê Thị T5 N1, anh Lê T2 T4 có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục kê khai, đăng ký, tách, chuyển, điều chỉnh đối với diện tích đất đã được Tòa án công nhận quyền sử dụng theo bản án đã tU1.

Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 825945, vào sổ cấp 002745/QSDĐ/HCL do Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh cấp ngày 26/7/2004 cho hộ ông Lê Văn T2 diện tích 13.855m^2 đất tọa lạc tại xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh để cấp lại theo bản án đã tU1.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/5/2022 và 07/3/2023; ngày 13/9/2018 và 20/8/2024 và sơ đồ đo đạc khu đất tranh chấp cùng ngày của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh).

5.Về án phí:

- Bà Lê Thị M, ông Nguyễn Văn T2 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

- Anh Lê Anh T và chị Lê Thị T2 T1 pH1 liên đới chịu án phí đối với giá trị tài sản được chia thừa kế là: 23.576.000 đồng và chịu án phí đối với số tiền pH1 trả giá trị cây trồng và công trình trên đất là: 27.798.000 đồng. Tổng cộng là 51.374.000 đồng (Năm mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

6. Về chi phí tố tụng.

- Chi phí xem xét thẩm và định giá là 16.171.000 đồng, do bà M, anh T và chị T1 đã nộp tạm ứng, đã thu và chi xong nên ông T2 có nghĩa vụ hoàn lại cho bà M, anh T, chị T1 số tiền ½ số tiền xem xét thẩm định, định giá là 8.085.000 đồng (Tám triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

7. Án phí dân sự phúc thẩm

- Bà Lê Thị M, ông Nguyễn Văn T2, bà Trần Thị R không pH1 chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Anh Lê Anh T, Lê Thị T2 T1, bà Lê Thị T2 H, ông Nguyễn T2 H1, bà Lê Thị Tố U1, bà Lê Thị Tố N, bà Lê Thị T5 N1, anh Lê T2 T4 mỗi người pH1 chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 009186; 0009181; 0009182; 0009183; 0009184; 0009185 cùng ngày 07/10/2024 và các biên lai thu tạm ứng án phí số 0009204; 0009203 cùng ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

8. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người pH1 thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

9. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 209/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tU1 án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng TT KT và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tr).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước